

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 22.10.2022

THỨC ĂN TINH THẦN
Kinh Piyañkara (Piyañkarasuttam)
CHƯƠNG X. TƯƠNG DẠ XOA (S. i, 209)

Người đói thì cần ăn. Không ăn thì lại đói. Thế nhưng có những trường hợp sự hoan hỷ trong tâm khiến thân không cảm giác đói khát. Điều này cho thấy sức mạnh của tâm lành. Tâm lành được nuôi bằng pháp vị. Pháp vị có được nhờ khéo lắng nghe suy nghiệm. Với người hữu duyên thì giá trị của chánh pháp được lãnh hội nhanh chóng giống như người biết thưởng thức hoa đẹp thì dù những đóa hoa đại giữa đồng cỏ hay trong núi rừng cũng tạo nên niềm hoan hỷ.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ āyasmā anuruddho sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena āyasmā anuruddho rattiyā paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya dhammapadāni bhāsati. Atha kho piyañkaramātā yakkhinī puttakaṃ evaṃ tosesi

Một thuở Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, Jetavana, ngôi già lam do ông Anāthapiṇḍika dâng cúng. Bấy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm gần tàn và tụng đọc pháp cú. Khi ấy nữ dạ xoa, mẹ của Piyañkara, dỗ cho con nín bằng lời như sau:

**“Mā saddaṃ kari piyañkara, bhikkhu dhammapadāni bhāsati;
Api ca dhammapadaṃ vijāniya, paṭipajjema hitāya no siyā.**

**“Pāṇesu ca saṃyamāse, sampajānamusā na bhaṇāse;
Sikkhema susīyamattano, api mucceṃma pisācayoniā”ti.**

“Con yêu, đừng làm ồn
Tỳ khuru đang tụng kinh

Chúng ta hiểu lời kệ
Thực hành được lợi lạc
Không làm hại chúng sanh
Từ bỏ lời không thật
Ta tu tập giới hạnh
Để thoát kiếp yêu ma



Thích văn

“**Mā saddaṃ kari piyaṅkara** = Piyaṅkara, đừng làm ồn
bhikkhu dhammapadāni bhāsati = Tỷ khru đang tụng pháp cú
Api ca dhammapadaṃ vijāniya = Khi chúng ta hiểu kinh kệ
paṭipajjema hitāya no siyā = thực hành được lợi lạc

“**Pāṇesu ca saṃyamāmaṣe** = chúng ta đừng làm hại chúng sanh nào
sampajānamusā na bhaṇāmaṣe = đừng cố ý nói dối
Sikkhema susīlyamattano = tu tập trong giới hạnh
api mucceṃ piṣācayoniya”ti = có thể chúng ta sẽ thoát kiếp yêu ma



Thích nghĩa

Piyaṅkara là nên của một tiểu dạ xoa. Tên của dạ xoa mẹ là Vimāna. Trong lúc đi tìm thực phẩm gần chùa Kỳ Viên vào lúc gần sáng chợt nghe lời kinh tụng đọc của Tôn giả Anuruddha. Ý kinh khiến tâm hướng thiện, hướng thượng. Âm thanh tụng đọc trầm ấm như rót thẳng vào lòng. Lúc ấy tiểu dạ xoa khóc, nên người mẹ ru êm bằng lời kệ trong bài kinh. Theo Sớ Giải thì dạ xoa mẹ nghe pháp hoan hỷ nên không còn đòi nhưng dạ xoa con vẫn đòi nên kêu khóc.

Tôn giả Anuruddha (A na luật hay A nậu đà la) là một trong những đại đệ tử của Đức Phật là bậc đệ nhất thiên nhân. Trước khi xuất gia là một hoàng tử dòng Sakya.

Chữ dhammapada có nghĩa là phương ngôn, pháp cú, con đường chân lý và một số ý nghĩa khác. Ở đây có hai nghĩa: một là lời Phật dạy, hai là những huấn thị của

Đức Phật trong hình thức kệ ngôn. Những bài kệ – như trong Kinh Pháp Cú – đặc biệt rất phổ biến trong văn học truyền khẩu vì dễ nhớ và cô đọng.

Việc tụng kinh chiều và sáng được ghi nhận là phổ biến từ thời Đức Phật. Lời kinh là những Phật ngôn. Tụng để nhớ, để hành trì, và để những loài phi nhân chung quanh được sanh tâm hoan hỷ, thanh tịnh. Tụng kinh là sự hành trì quen thuộc từ ngàn xưa trong nếp sống tu tập.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

6. Piyaṅkarasuttaṃ [Mūla]

240. Ekam samayaṃ āyasmā anuruddho sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena āyasmā anuruddho rattiyā paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya dhammapadāni bhāsati. Atha kho piyaṅkaramātā yakkhinī puttakaṃ evaṃ tosesi –

“Mā saddaṃ kari piyaṅkara, bhikkhu dhammapadāni bhāsati;
Api [api (sī.)] ca dhammapadaṃ vijāniya, paṭipajjema hitāya no siyā.

“Pāṇesu ca saṃyamāmase, sampajānamusā na bhaṇāmase;
Sikkhema susīlyamattano [susīlamattano (sī. ka.)], api muccema pisācayoniyā”ti.

6. Piyaṅkarasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

240. Chaṭṭhe jetavaneti jetavanassa paccante kosambakakuṭi nāma atthi, tattha viharati. Dhammapadānīti idha pāṭiyekkaṃ saṅgahaṃ āruḷhā chabbīsativaggā tanti adhippetā. Tatra thero tasmim samaye antovihāre nisinno madhurassarena sarabhaññaṃ katvā appamādavaggaṃ bhāsati. Evaṃ tosesīti sā kira puttaṃ piyaṅkaraṃ ankenādāya jetavanassa pacchimabhāgato paṭṭhāya gocaraṃ pariyesantī anupubbena nagarābhimukhī hutvā uccārapassāvakhelasinḅhānikadubbhojanāni pariyesamānā therassa vasanaṭṭhānaṃ patvā madhurassaraṃ assosi. Tassā so saddo chaviādīni chetvā aṭṭhimiñjaṃ āhacca hadayaṅgamanīyo hutvā aṭṭhāsi. Athassā gocarapariyesane cittampi na uppajji, ohitasotā dhammameva suṇantī ṭhitā. Yakkhadārakassa pana daharatāya dhammassavane cittaṃ natthi. So jighacchāya pīlitattā, “kasmā amma gatagataṭṭhāne khāṇuko viya tiṭṭhasi? Na mayhaṃ khādanīyaṃ vā bhojanīyaṃ vā pariyesasi”ti punappunaṃ mātaraṃ codeti. Sā “dhammassavanassa me antarāyaṃ karotī”ti puttakaṃ “mā saddaṃ kari, piyaṅkarā”ti evaṃ tosesi. Tattha mā saddaṃ karīti saddaṃ mā kari.

Pāṇesu cāti gāthāya sā attano dhammatāya samādiṇṇaṃ pañcasīlaṃ dasseti. Tattha saṃyamāmaseti saṃyamāma saṃyatā homa. Iminā pāṇātipātā virati gahitā, dutiyapadena musāvādā virati, tatiyapadena sesā tisso viratiyo. Api muccema pisācayoniyāti api nāma yakkhaloke uppannāni pañca verāni pahāya, yoniso paṭipajjitvā imāya chātakadubbhikkhāya pisācayakkhayoniyā muccema, tātāti vadati. Chaṭṭhaṃ.